

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	22 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội trình bày Báo cáo tài chính này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội là doanh nghiệp cổ phần thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 0722/1999-QĐ BTM ngày 08 tháng 6 năm 1999 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Trụ sở chính của Công ty tại số 49 đường Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Các đơn vị trực thuộc Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Bắc Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Lào Cai.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PJC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đắc Xuân	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Huân	Ủy viên
	Ông Hoàng Xuân Sự	Ủy viên
	Ông Bùi Văn Thành	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Bùi Văn Thành	Giám đốc
	Ông Dương Văn Bích	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Hoàn	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Giám đốc

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Bùi Văn Thành

Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Số. 147/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, hai hoạt động chính của Công ty có một phần cung cấp dịch vụ và hàng hóa lẫn cho nhau và được ghi nhận như doanh thu và chi phí của từng bộ phận. Theo đó, doanh thu và chi phí trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty tăng lên một khoản là 15.402.153.150 đồng.

Năm 2010, Công ty tính miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho toàn bộ phần thu nhập tăng thêm từ việc đầu tư thêm phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh từ năm 2004 đến hết năm 2008 với số tiền là 1.629.117.659 đồng. Trong đó, số tính miễn giảm bổ sung từ năm 2007 đến năm 2009 là 1.275.661.437 đồng, năm 2010 số tiền là 353.456.222 đồng. Số tiền thuế thu nhập này Công ty tự tính và kê khai chưa được Cơ quan thuế kiểm tra.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốcChứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)****Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.***Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2011*

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		46.186.069.770	35.971.513.573
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.826.089.201	2.957.883.466
1. Tiền	111		5.826.089.201	2.957.883.466
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	9.192.765.221	60.578.649
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.372.411.221	240.224.649
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(179.646.000)	(179.646.000)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.309.158.707	24.757.503.076
1. Phải thu khách hàng	131		21.172.187.112	22.515.804.534
2. Trả trước cho người bán	132		2.178.274.600	194.050.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.434.617.963	2.418.115.198
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(475.920.968)	(370.466.656)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	4.771.463.488	7.161.847.669
1. Hàng tồn kho	141		4.781.274.488	7.171.658.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.811.000)	(9.811.000)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.086.593.153	1.033.700.713
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		615.538.179	12.299.393
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.795.006	471.986.071
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	118.286.121	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	350.973.847	549.415.249
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		61.466.091.165	62.157.675.842
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		53.852.470.639	54.722.836.350
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	51.693.862.503	47.532.544.756
- Nguyên giá	222		120.733.348.188	106.386.672.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.039.485.685)	(58.854.127.887)
3. Tài sản cố định vô hình	227		148.639.500	157.513.500
- Nguyên giá	228		177.480.000	177.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.840.500)	(19.966.500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	2.009.968.636	7.032.778.094
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.534.320.526	7.344.228.778
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	1.800.000.000	1.609.908.252
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	5.734.320.526	5.734.320.526
V. Tài sản dài hạn khác	260		79.300.000	90.610.714
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	6.970.714
3. Tài sản dài hạn khác	268		79.300.000	83.640.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		107.652.160.935	98.129.189.415

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		60.016.058.537	57.374.144.954
I- Nợ ngắn hạn	310		53.402.727.945	38.197.391.407
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	5.350.000.000
2. Phải trả người bán	312		7.077.131.456	7.135.844.996
3. Người mua trả tiền trước	313		1.219.640.643	346.861.582
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.089.579.560	858.083.473
5. Phải trả người lao động	315		11.060.857.534	9.963.467.260
6. Chi phí phải trả	316	5.12	14.205.982.121	10.860.515.161
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	5.13	18.228.111.250	3.796.358.554
9. khác				
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		521.425.381	(113.739.619)
II- Nợ dài hạn	330		6.613.330.592	19.176.753.547
3. Phải trả dài hạn khác	333		480.000	480.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	5.820.000.000	18.854.550.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		792.850.592	321.723.547
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		47.636.102.398	40.755.044.461
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	47.636.102.398	40.755.044.461
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.650.000.000	15.650.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	412		18.660.199.031	12.686.566.099
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	3.786.499.331
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.683.845.430	2.023.845.430
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.642.057.937	6.608.133.601
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		107.652.160.935	98.129.189.415

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	804.792.141.397	528.561.165.241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		804.792.141.397	528.561.165.241
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	775.398.853.440	503.154.550.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		29.393.287.957	25.406.614.661
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	721.327.445	420.178.453
7. Chi phí tài chính	22	5.19	1.056.956.071	2.692.696.082
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		928.750.367	2.692.687.239
8. Chi phí bán hàng	24		11.105.911.585	9.326.027.774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.405.422.218	4.987.373.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		11.546.325.528	8.820.695.931
11. Thu nhập khác	31	5.20	515.045.417	230.922.702
12. Chi phí khác	32	5.20	15.905.871	294.847.865
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		499.139.546	(63.925.163)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.045.465.074	8.756.770.768
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	1.403.407.137	2.148.637.167
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.642.057.937	6.608.133.601
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	6.800	4.222

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1	2		5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	12.045.465.074	8.756.770.768
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	11.499.784.868	16.762.788.222
- Các khoản dự phòng	03	105.454.312	39.322.372
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.117.919.263)	(371.453.835)
- Chi phí lãi vay	06	1.056.956.071	2.692.687.239
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	23.589.741.062	27.880.114.766
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(102.423.597)	(7.876.986.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.390.384.181	(4.379.204.683)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	21.296.305.349	2.391.121.321
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(596.268.072)	719.712.786
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.056.956.071)	(1.667.002.925)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.272.400.903)	(1.524.221.846)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.070.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(942.905.000)	(638.766.789)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	42.313.546.949	14.904.765.798
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.629.419.157)	(19.470.419.264)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	396.591.818	215.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.322.278.320)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	721.327.445	416.735.396
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(18.833.778.214)	(18.838.683.868)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	690.000.000	63.989.550.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.094.550.000)	(57.076.184.178)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.207.013.000)	(2.033.486.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(20.611.563.000)	4.879.879.822
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	2.868.205.735	945.961.752
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	2.957.883.466	2.011.921.714
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	5.826.089.201	2.957.883.466

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội là doanh nghiệp cổ phần thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà Nước theo Quyết định số 0722/1999-QĐ BTM ngày 08 tháng 6 năm 1999 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055126 ngày 05 tháng 08 năm 1999, thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ 15.650.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là: 15.650.000.000 đồng (Mười năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Tương đương với 1.565.000 cổ phần. Trong đó:

Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	798.150 cổ phiếu bằng 7.980.150.000 đồng tỷ lệ 51 %
Các cổ đông khác	766.850 cổ phiếu bằng 7.668.500.000 đồng tỷ lệ 49 %

Địa chỉ đăng ký: 49 đường Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 470 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận tải xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các sản phẩm khác trong và ngoài nước;
- Tổng đại lý bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại xe xitec, xe bồn chuyên dùng, phụ tùng sãm lốp ô tô;
- Dịch vụ cơ khí sửa chữa và dịch vụ hàng tiêu dùng;
- Mua bán ô tô, máy, thiết bị xăng dầu vật tư, vật liệu xây dựng và các mặt hàng khoáng sản, nông thổ sản, dệt may, giấy da;
- Kinh doanh dịch vụ cơ khí, xây lắp các công trình xăng dầu, bảo hành sửa chữa ô tô, xe máy, vật tư xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế;
- Đầu tư tài chính;
- Đào tạo dạy nghề (lái xe, cơ khí, sửa chữa có động cơ; xây dựng, tin học);
- Tư vấn du học quốc tế;
- Dịch vụ giáo dục tiểu học, phổ thông;
- Đại lý bưu điện;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2010 là: kinh doanh vận tải xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá hàng tồn kho đối với xăng và dầu diesel theo phương pháp nhập trước xuất trước, đối với dầu mỡ nhờn theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm 2010 (số năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại Bản Phiệt, Lào Cai với diện tích là 1.224.000 mét vuông, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là 20 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí xấp xỉ, nhiên liệu và các chi phí khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty. Hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hiện nay, giá bán các mặt hàng xăng dầu trên thị trường được thực hiện theo giá định hướng do Nhà nước qui định thống nhất trên phạm vi cả nước theo từng giai đoạn và có sự điều chỉnh đối với từng vùng, miền. Giá bán mặt hàng xăng dầu do Bộ tài chính qui định cho từng giai đoạn dựa trên sự biến động của giá xăng dầu nhập khẩu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Xăng Dầu và các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.465.917.470	306.170.145
Tiền gửi ngân hàng	4.360.171.731	2.651.713.321
Tổng	5.826.089.201	2.957.883.466

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Nội dung	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		332.411.221		240.224.649
Cổ phiếu Công ty Cổ phần sữa Hà	1.400	46.310.000	1.400	46.310.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần bảo hiểm	8.923	231.516.000	4.209	189.426.000
PIJCO				
Tiền mua cổ phiếu của Công ty Xi	5.000	50.000.000	-	-
măng Đồng Bành				
Lãi tiền gửi		4.585.221		4.488.649
Đầu tư ngắn hạn khác		9.040.000.000		-
Gửi tiết kiệm Ngân hàng PG Bank		9.040.000.000		-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(179.646.000)		(179.646.000)
Tổng	15.323	9.192.765.221	5.609	60.578.649

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	8.550.514	8.550.514
Kinh phí công đoàn	-	128.994.325
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	9.927.190	5.333.677
Phải thu về giải quyết tai nạn giao thông	1.636.310.684	1.212.414.953
Phải thu bảo hiểm xe ô tô	582.636.289	494.461.169
Bảo hiểm thất nghiệp	932.207	-
Các khoản phải thu khác	196.261.079	568.360.560
Tổng	2.434.617.963	2.418.115.198

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	933.121.990	1.733.179.145
Công cụ, dụng cụ	35.137.500	40.747.500
Hàng hoá	3.813.014.998	5.397.732.024
Cộng giá gốc hàng tồn kho	4.781.274.488	7.171.658.669
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.811.000)	(9.811.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.771.463.488	7.161.847.669

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	118.286.121	-
Tổng	118.286.121	-

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	332.275.447	549.415.249
Tài sản thiếu chờ giải quyết	18.698.400	-
Tổng	350.973.847	549.415.249

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2010	14.186.532.450	1.612.993.763	89.985.389.965	601.756.465	106.386.672.643
Tăng trong năm	-	143.105.067	15.436.321.731	72.801.817	15.652.228.615
Mua trong năm	-	143.105.067	15.436.321.731	72.801.817	15.652.228.615
Giảm trong năm	-	-	1.224.524.000	81.029.070	1.305.553.070
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.224.524.000	81.029.070	1.305.553.070
Số dư tại 31/12/2010	14.186.532.450	1.756.098.830	104.197.187.696	593.529.212	120.733.348.188
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	3.946.209.354	576.273.200	53.932.933.387	398.711.946	58.854.127.887
Tăng trong năm	937.690.138	204.356.788	10.242.379.290	106.484.652	11.490.910.868
Khấu hao trong năm	937.690.138	204.356.788	10.242.379.290	106.484.652	11.490.910.868
Giảm trong năm	-	-	1.224.524.000	81.029.070	1.305.553.070
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.224.524.000	81.029.070	1.305.553.070
Số dư tại 31/12/2010	4.883.899.492	780.629.988	62.950.788.677	424.167.528	69.039.485.685
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2010	10.240.323.096	1.036.720.563	36.052.456.578	203.044.519	47.532.544.756
Tại 31/12/2010	9.302.632.958	975.468.842	41.246.399.019	169.361.684	51.693.862.503

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 42.366.766.427 đồng.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	7.032.778.094	3.448.693.836
Tăng trong kỳ	2.832.182.233	24.962.374.526
Giảm trong kỳ	7.854.991.691	21.378.290.268
Kết chuyển tài sản cố định	-	15.641.509.963
Kết chuyển vào chi phí	7.854.991.691	5.736.780.305
Tại ngày 31 tháng 12	2.009.968.636	7.032.778.094

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)**Chi tiết theo công trình**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	-	6.972.538.095
Cửa hàng Vạn Hòa - Lào Cai	797.831.819	60.239.999
Cửa hàng xăng dầu Nam Cường Lào Cai	1.212.136.817	-
Tổng	2.009.968.636	7.032.778.094

5.9 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty	Ngành nghề	% sở hữu vốn	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Việt Nam	Kinh doanh thương mại và Dịch vụ sửa chữa Ô tô	40%	1.800.000.000	1.609.908.252
Tổng			1.800.000.000	1.609.908.252

5.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn Petrolimex	5.734.320.526	5.734.320.526
Tổng	5.734.320.526	5.734.320.526

Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn để kinh doanh vận chuyển hành khách, kinh doanh nhà, đại lý xăng dầu, môi giới bất động sản với tỷ lệ vốn góp là 6,51%.

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.084.277.964	83.922.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	750.707.645
Thuế thu nhập cá nhân	5.301.596	23.453.815
Tổng	1.089.579.560	858.083.473

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.498.537.000	1.397.537.000
Chi phí sắm lắp	9.896.750.041	7.300.715.068
Chi phí nhiên liệu	445.886.006	314.750.364
Chi phí khác	2.364.809.074	1.847.512.729
Tổng	14.205.982.121	10.860.515.161

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.13 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	319.529.753	393.733.325
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.908.581.497	3.402.625.229
<i>Cước vận chuyển thuê ngoài</i>	<i>1.219.800.000</i>	<i>2.482.000.000</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>71.357.000</i>	<i>87.370.000</i>
<i>Bồi thường vật chất</i>	<i>257.375.785</i>	<i>448.418.235</i>
<i>Tiền phạt hành thêm cổ phiếu chưa được tăng vốn</i>	<i>15.631.500.000</i>	-
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>728.548.712</i>	<i>384.836.994</i>
Tổng	18.228.111.250	3.796.358.554

5.14 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	-	13.594.550.000
Vay ngân hàng	-	13.594.550.000
Ngân hàng Cổ phần Thương mại và Vận tải	-	8.968.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ACB	-	4.626.550.000
Nợ dài hạn	5.820.000.000	5.260.000.000
Tiền thế chấp người lao động	4.530.000.000	4.220.000.000
Tiền thế chấp nhận xe ô tô sitec	1.290.000.000	1.040.000.000
Tổng	5.820.000.000	18.854.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	15.650.000.000	12.686.566.099	1.860.468.732	1.446.008.697	5.778.367.332	37.421.410.860
Tăng trong năm	-	-	1.926.030.599	577.836.733	6.608.133.601	9.112.000.933
Tăng từ lợi nhuận năm 2008	-	-	1.926.030.599	577.836.733	-	2.503.867.332
Lợi nhuận năm 2009	-	-	-	-	6.608.133.601	6.608.133.601
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.778.367.332	5.778.367.332
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.743.867.332	3.743.867.332
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.034.500.000	2.034.500.000
Số dư tại 31/12/2009	15.650.000.000	12.686.566.099	3.786.499.331	2.023.845.430	6.608.133.601	40.755.044.461
Số dư tại 01/01/2010	15.650.000.000	12.686.566.099	3.786.499.331	2.023.845.430	6.608.133.601	40.755.044.461
Tăng trong năm	-	5.973.632.932	2.187.133.601	660.000.000	10.642.057.937	19.462.824.470
Tăng từ lợi nhuận năm 2009	-	-	2.187.133.601	660.000.000	-	2.847.133.601
Tăng từ quỹ đầu tư phát triển	-	5.973.632.932	-	-	-	-
Lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	10.642.057.937	10.642.057.937
Giảm trong năm	-	-	5.973.632.932	-	6.608.133.601	12.581.766.533
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	4.417.133.601	4.417.133.601
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.191.000.000	2.191.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng tài sản từ quỹ đầu tư	-	-	5.973.632.932	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	15.650.000.000	18.660.199.031	-	2.683.845.430	10.642.057.937	47.636.102.398

Năm 2010 Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 622/UBCK- GCN ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội. Số cổ phiếu phát hành thêm là 1.563.150 cổ phiếu, giá trị 15.631.500.000 đồng, Công ty chưa tăng vốn do đang làm nốt các thủ tục còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	7.981.500.000	7.981.500.000
Cổ đông khác	7.668.500.000	7.668.500.000
Tổng	15.650.000.000	15.650.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	15.650.000.000	15.650.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	15.650.000.000	15.650.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.191.000.000	2.034.500.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	1.565.000	1.565.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.565.000	1.565.000
Cổ phiếu phổ thông	1.565.000	1.565.000
Mệnh giá một cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán xăng dầu	634.580.614.076	401.245.802.601
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	5.299.763.543	4.076.735.474
Doanh thu bán gas và các phụ kiện	220.701.894	376.417.852
Doanh thu bán hàng hóa khác	515.795.500	1.493.528.499
Doanh thu cung cấp dịch vụ	164.175.266.384	121.386.680.815
Tổng	804.792.141.397	528.579.165.241

Doanh thu giá vốn nội bộ trong năm 2009 và năm 2010 lần lượt là 24.151.879.942 đồng và 15.402.153.150 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn bán xăng dầu	620.474.238.899	385.439.285.879
Giá vốn bán dầu mỡ nhờn	4.697.900.316	3.578.276.915
Giá vốn bán gas và các phụ kiện	199.333.944	308.556.216
Giá vốn bán hàng hóa khác	403.787.500	1.683.379.405
Giá vốn cung cấp dịch vụ	149.623.592.781	112.145.052.165
Tổng	775.398.853.440	503.154.550.580

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	434.539.011	121.761.071
Cổ tức, lợi nhuận được chia	286.716.000	294.503.100
Doanh thu hoạt động tài chính khác	72.434	3.914.282
Tổng	721.327.445	420.178.453

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	928.750.367	2.692.687.239
Chi phí hoạt động tài chính khác	128.205.704	8.843
Tổng	1.056.956.071	2.692.696.082

5.20 Lợi nhuận từ hoạt động khác

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu nhập khác	515.045.417	230.922.702
Thu thanh lý tài sản cố định	396.591.818	204.761.905
Tiền bồi thường bảo hiểm	86.170.000	16.500.000
Thu nhập khác	32.283.599	9.660.797
Chi phí khác	15.905.871	294.847.865
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	-	291.597.615
Tiền phạt vi phạm hàng chính	15.905.871	3.250.250
Thu nhập thuần	499.139.546	(63.925.163)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.045.465.074	8.756.770.768
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp)	371.350.111	132.281.000
Phần thu nhập được miễn giảm do đầu tư tài sản	1.413.824.889	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi cổ tức nhận được)	286.716.000	294.503.100
Lợi nhuận tính thuế	10.716.274.296	8.594.548.668
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN của các kỳ trước được miễn giảm ưu đãi đầu tư	1.275.661.437	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.403.407.137	2.148.637.167

Trong năm 2010 Công ty đang tính miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho toàn bộ phần thu nhập tăng thêm do đầu tư tài sản cố định để thực hiện dịch vụ vận tải với số tiền là 1.357.201.191 đồng. Hiện tại Công ty chưa tách được phần thu nhập tăng thêm của dịch vụ vận tải thực hiện tại vùng kinh tế khó khăn thuộc diện được miễn giảm thuế và vùng kinh tế không thuộc diện được miễn giảm thuế.

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	10.642.057.937	6.608.133.601
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.642.057.937	6.608.133.601
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.565.000	1.565.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.800	4.222

5.23 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.842.989.731	46.559.026.727
Chi phí nhân công	74.970.423.097	31.762.079.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.499.784.868	16.762.788.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.765.593.067	897.375.105
Chi phí khác bằng tiền	11.769.014.416	21.471.111.083
Tổng	166.847.805.179	117.452.380.826

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty - được chi tiết tại Phụ lục 1 và phụ lục số 2 kèm theo.

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 01-B/HN-CTC

PHỤ LỤC I- BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Kỳ báo cáo: Năm 2010

STT	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	Vốn góp liên doanh (TK222)		4.500.000.000	4.500.000.000	-	-	1.800.000.000	40,0%	40,0%	40,0%
1	Công ty Cổ phần Thương mại và Sửa chữa Ô tô Việt Nam	18/07/08	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-	1.800.000.000	40,0%	40,0%	40,0%
IV	Đầu tư dài hạn khác (TK228)		90.000.000.000	88.021.870.000	8.802.187	573.432	5.734.320.526	6,5%	6,5%	6,5%
1	Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn Petrolimex	15/10/04	90.000.000.000	88.021.870.000	8.802.187	573.432	5.734.320.526	6,5%	6,5%	6,5%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 02B/HN-CTC

PHỤ LỤC II- BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2010

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Trong đó:		
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11001000	Công ty Xăng dầu khu vực I	34.295.655.277	-	-	-	
2	XD	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	10.374.699.197	-	-	-	
3	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	22.050.174.387	-	-	-	
4	XD	11040000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	9.433.037.457	-	-	-	
5	XD	11045000	Công ty Xăng dầu Lào cai	18.854.379.700	-	-	-	
6	XD	11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	10.740.958.906	-	-	-	
7	XD	11006000	Cty Xăng dầu Hà Bắc	470.759.837	-	-	-	
8	XD	11035000	Công ty Xăng dầu Cao bằng	17.353.904.249	-	-	-	
9	XD	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	238.558.487	-	-	-	
10	XD	11046000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	15.671.421.143	-	-	-	
11	CP	11005000	Công ty Xăng dầu B12	18.036.025.215	-	-	-	
12	CP	11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	2.488.673.965	-	-	-	
13	CP	11056300	Công ty Cổ phần taxi Gas Sài Gòn	-	286.716.000	-	286.716.000	
			Tổng	160.008.247.820	286 716 000	-	286 716 000	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 03/HN-CTC

PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2010

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	D	1	2	3	4
I			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu	4.660.001.452	514.196.148	93.123.936	-
II			Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	630.456.475.392	5.513.950.818	378.280.992	168.960.000
1	XD	30000003	Công ty Xăng dầu KVI	580.710.029.914	1.986.497.766	-	70.210.000
2	XD	20001051	Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex HN	-	2.454.777.315	-	-
3	CP	30000009	Công ty Xăng dầu Lào cai	38.364.906.450	438.556.303	-	-
4	CP	30000001	Công ty Xăng dầu B12	7.068.919.864	411.840.546	-	90.000.000
5	XD	20001100	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	213.548.838	14.490.866	-	-
6	XD	20001130	Công ty Xăng dầu Điện Biên	689.714.154	-	-	-
7	XD	20001231	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	33.836.368	229.236	-	-
8	XD	20001040	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	2.606.109.149	177.652.224	-	-
9	XD	20001016	Công ty Xăng dầu Thái Bình	754.863.354	29.906.562	-	8.750.000
10	XD	20001015	Công ty Xăng dầu Hà Giang	10.158.601	-	-	-
11	XD	20001090	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	2.236.063	-	-	-
12	XD	11.007.000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	2.152.637		-	-
13	CP	11.056.000	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex			378.280.992,00	-
							-
III			Giá trị hàng hóa xuất nội bộ xuất trong	632 374 364 150	5 215 229 464	377 688 944	168.960.000
IV			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối	2.742.112.694	812.917.502	93.715.984	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 04/HN-CTC

PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2010

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11.001.000	Công ty xăng dầu khu vực I	3.263.733.383	-	-	-	-
2	XD	11.007.000	Công ty xăng dầu Bắc Thái	1.142.137.694	-	-	-	-
3	XD	11.026.000	Công ty xăng dầu Điện Biên	2.480.360.942	-	-	-	-
4	XD	11.040.000	Công ty xăng dầu Tuyên Quang	955.430.573	-	-	-	-
5	XD	11.045.000	Công ty xăng dầu Lào cai	1.140.948.013	-	-	-	-
6	XD	11.027.000	Công ty xăng dầu Yên Bái	1.261.797.087	-	-	-	-
7	XD	11.006.000	Công ty xăng dầu Hà Bắc	170.772.489	-	-	-	-
8	XD	11.035.000	Công ty xăng dầu Cao bằng	1.684.575.328	-	-	-	-
9	XD	11.046.000	Công ty xăng dầu Hà Giang	1.381.630.012	-	-	-	-
10	XD	11.005.000	Cty xăng dầu B12	1.667.027.675	-	-	-	-
11	XD	11.038.000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	46.528.231	-	-	-	-
12	XD	11.028.000	Công ty Xăng Dầu Thái Bình	179.097.517	-	-	-	-
13	CP	11.023.000	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	-	-	-	-	73.900.000
			Cộng	15.374.038.944	-	-	-	73.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 05/HN-CTC

PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả tiền trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11.001.000	Công ty Xăng dầu KVI	5.495.063.456	-	-	-	-
2	CP	11.005.000	Công ty Xăng dầu B12	-	290.440.911	-	-	-
3	XD	11.008.000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	69.139.146	-	-	-	-
5	XD	11.002.400	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex		-	-	-	-
6	XD	11.002.400	Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex	315.354.715	-	-	-	-
7	CP	11.056.000	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	143.441.918	-	-	-	-
			Tổng	6.022.999.235	290.440.911	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 06/HN-CTC

PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Kỳ báo cáo: Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã đơn vị	Đối tượng cho vay	Gốc vay				Phân loại thời hạn hoàn trả của gốc vay theo thời gian			
			01/01/2010	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	31/12/2010	Trong năm 2010	Trong năm 2011	Trong năm 2012	Trong năm 2013
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I		Vay và nợ nội bộ tập đoàn	8.968.000.000	-	8.968.000.000	-	8.968.000.000	-	-	-
	1	Ngân hàng TMCP Petrolimex	8.968.000.000	-	8.968.000.000	-	8.968.000.000			-
II		Vay và nợ Ngân hàng, TCTD khác	4.626.550.000	-	4.626.550.000	-	4.626.550.000	-	-	-
	1	Ngân hàng TMCP ACB	4.626.550.000		4.626.550.000	-	4.626.550.000			
		Tổng	13.594.550.000	-	13.594.550.000	-	13.594.550.000	-	-	-

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành